

Số: 2057/2022/QĐST-HNGĐ

Ngày: 29/11/2022

Về việc: “Yêu cầu công nhận thuận
tình ly hôn”

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**
Về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Thành phần phiên họp gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Phạm Thị Thu Phương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên họp: Bà Võ Thị Thoa

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên
họp:* Bà Đào Thị Xuân Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp công khai xét việc dân sự thụ lý số 444/2022/TLST-HNGĐ ngày 05/10/2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”. Theo Quyết định mở phiên họp số 5706/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022 giữa:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Bà Trịnh Bé N, sinh năm 1983

Địa chỉ: 694/33/7 đường, Phường 4, quận P, Thành phố H.

2/ Ông Trần Kim T, sinh năm 1977

Địa chỉ: 12201 Lomas Blvd NE, Apt 215 Albuquerque, NM 87112, Hoa Kỳ.

Người đại diện hợp pháp cho ông Trần Kim T (để nhận giấy tờ, quyết định của Tòa án): Ông Nguyễn Sỹ Th theo giấy ủy quyền số công chứng 008498, quyền số 09/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/9/2022 tại Phòng công chứng số 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo bà Trịnh Bé N trình bày:

Bà và ông Trần Kim T kết hôn vào năm 2018 theo giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 27/6/2018 tại Ủy ban nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Sau khi kết hôn hai bên chung sống với nhau được một khoảng thời gian, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc bình thường. Tuy nhiên, thời gian sau thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện cùng với nhau để giải quyết mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm nhưng không được nên đã thống nhất sống ly thân từ 03 năm nay. Ông Trần

Kim T sang Hoa Kỳ sinh sống còn bà sinh sống tại Việt Nam, qua quá trình trao đổi cả hai đều nhận thấy có quá nhiều sự khác biệt giữa hai bên nên thống nhất thuận tình ly hôn. Cho đến nay mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay bà nhận thấy không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà và ông Trần Kim T đã thống nhất thuận tình ly hôn, đề nghị Tòa án chấp nhận.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Trịnh Bé N xác định không có

Ông Trần Kim T trình bày tại bản tự khai ngày 01/11/2022 có nội dung như sau: Ông và bà Trịnh Bé N kết hôn vào năm 2018, theo giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 27/6/2018 tại Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Về quá trình chung sống và mâu thuẫn ông thống nhất như trình bày của bà Trịnh Bé N. Về yêu cầu thuận tình ly hôn giữa ông và bà Trịnh Bé N ông có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý thuận tình ly hôn với bà Trịnh Bé N

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Kim T xác định không có

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ việc đúng thẩm quyền, xác định đúng yêu cầu, đúng tư cách các đương sự, việc giải quyết vụ việc đúng thời hạn quy định. Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu thuận tình ly hôn của ông Trần Kim T và bà Trịnh Bé N

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết yêu cầu: Ông Trần Kim T và bà Trịnh Bé N “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, là yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 29 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do ông Trần Kim T là người yêu cầu cư trú tại Hoa Kỳ nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 39, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Ông Trần Kim T và bà Trịnh Bé N có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự, giải quyết việc dân sự vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung yêu cầu của ông Trần Kim T và bà Trịnh Bé N:

Theo các đương sự thống nhất trình bày và hồ sơ thể hiện thì:

Ông Trần Kim T và bà Trịnh Bé N kết hôn vào năm 2018, theo giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 27/6/2018 tại Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Sau khi kết hôn hai bên chung sống với nhau được một khoảng thời gian, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc bình thường. Tuy nhiên, thời gian sau thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện cùng với nhau để giải quyết mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm nhưng không được. Hiện nay ông Trần Kim T đang cư trú tại Hoa Kỳ còn bà Trịnh Bé N thì sinh sống tại Việt Nam mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Trên thực tế hai bên đã sống ly thân trong một thời gian dài. Nay hai bên nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được thuận tình ly hôn.

Xét thấy mục đích hôn nhân chỉ có thể đạt được khi vợ chồng thương yêu, quan tâm, chăm sóc nhau. Đây cũng là tình cảm và nghĩa vụ của vợ chồng với nhau được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nay ông Tấn và bà Năm xác định tình cảm vợ chồng không còn, cũng không có điều kiện để thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của các đương sự. Do đó Ông Trần Kim T và bà Trịnh Bé N yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Kim T và bà Trịnh Bé N khai không có nên không xét.

[4] *Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm*: Ông Trần Kim T và bà Trịnh Bé N phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 39, Điều 361, Điều 367, Điều 371, Điều 396, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 51, Điều 55, Điều 57 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

Chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Trần Kim T và bà Trịnh Bé N

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Kim T và bà Trịnh Bé N thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Không có

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có

4. Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng ông Trần Kim T và bà Trịnh Bé N phải chịu nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng lệ phí đã tạm nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2021/0003048 ngày 27/9/2022 của

Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trần Kim T và bà Trịnh Bé N đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Phạm Thị Thu Phương